

Tuần 7
Tiết 13

Ngày soạn: 13/ 10/ 2023

CHỦ ĐỀ: MUỐI (TT)
Bài 10: MỘT SỐ MUỐI QUAN TRỌNG

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- + Biết được trạng thái tự nhiên và tính chất, cách khai thác và ứng dụng của NaCl.
- + Đối với HS khuyết tật nói, trí tuệ: viết được CTPT của muối sodium chloride, viết được ứng dụng của muối NaCl vào vở.

2. Kỹ năng:

- + Vận dụng tính chất hoá học của muối để giải thích một số hiện tượng thường gặp trong đời sống và sản xuất, làm thí nghiệm.
- + Nhận biết được một số muối cụ thể.
- + Viết PTHH minh hoạ tính chất hoá học của muối.
- + Tính khối lượng hoặc thể tích dung dịch muối trong phản ứng.
- + Bài toán tính % khối lượng hỗn hợp các muối và xác định CTHH muối.

3. Thái độ:

- Giáo dục cho học sinh yêu thích môn học.
- Vận dụng khoa học vào thực tiễn đời sống.

4. Định hướng phát triển năng lực:

Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy, sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, tính toán.

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên: KHDH, phiếu học tập, bảng phụ.

2. Học sinh: Đọc trước bài mới.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC, KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ:

1/ PPDH:

- + Phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học theo nhóm.

2/ KTDH:

- + Kỹ thuật động não.
- + Kỹ thuật hỏi và trả lời.

3/ KTĐG: Theo hệ thống câu hỏi và bài tập định hướng phát triển năng lực HS.

IV/ HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

1/ HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (4')

-GV cho HS xem đoạn video: <https://www.youtube.com/watch?v=21klaviFAT0>

- HS xem video.

- GV: các em hãy cho biết sản phẩm thu được khi phơi nước biển dưới ánh nắng mặt trời.

- GV nêu vấn đề vào bài mới.

2/ Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động: Muối Natri clorua (NaCl) (15')

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung
<p>GV giới thiệu cho HS về NaCl trong tự nhiên.</p> <p>+ NaCl thường có ở đâu?</p> <p>+ 1m³ nước biển có bao nhiêu kg NaCl?</p> <p>GV liên hệ địa phương làm muối.</p> <p>+ Mỏ muối có nguồn gốc từ đâu?</p> <p>+ Muốn khai thác muối NaCl ta cần điều kiện gì?</p> <p>GV tiểu kết</p> <p>+ NaCl có ứng dụng gì trong đời sống?</p> <p>GV giới thiệu cho HS thành phần cấu tạo của NaCl.</p> <p>-GV giới thiệu mở rộng:</p> <p><i>Nêu được khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H⁺ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH₄⁺).</i></p>	<p>+ HS độc lập trả lời.</p> <p>+ HS hoạt động nhóm</p> <p>+ HS trả lời , HS khác bổ sung.</p> <p>+HS khác bổ sung</p>	<p>I/ <u>MUỐI SODIUM CHLORIDE:</u></p> <p>1/ <u>Trạng thái tự nhiên:</u></p> <p>+ NaCl là chất rắn màu trắng có nhiều trong tự nhiên.</p> <p>+ NaCl dưới dạng hoà tan trong nước biển và kết tinh trong mỏ muối.</p> <p>2/ <u>Cách khai thác:</u></p> <p>Cho nước biển bốc hơi từ từ ta được muối kết tinh.</p> <p>3/ <u>Ứng dụng:</u></p> <p>-NaCl có vai trò quan trọng trong đời sống là nguồn nguyên liệu cơ bản trong công nghiệp hoá chất.</p> <p>II/ <u>MUỐI KNO₃:</u> (Không dạy)</p>

3/ Hoạt động luyện tập : (18')

Gv trình chiếu slide, phát phiếu bài tập, y/c HS hoạt động cặp đôi hoàn thành các bài tập.

Câu 1: Trong tự nhiên muối natri clorua có nhiều trong hỗn hợp nào sau đây?

- A. Nước biển.
- B. Nước mưa.
- C. Nước sông.
- D. Nước giếng.

Câu 2: Điện phân dung dịch natri clorua (NaCl) bão hoà trong bình điện phân có màng ngăn ta thu được hỗn hợp khí là

- A. H₂ và O₂.
- B. H₂ và Cl₂.
- C. O₂ và Cl₂.
- D. Cl₂ và HCl

Câu 3: Để loại bớt muối Na₂SO₄ có lẫn trong dung dịch NaCl ta dùng chất nào?

- A. Dung dịch AgNO₃.
- B. Dung dịch HCl.
- C. Dung dịch BaCl₂.
- D. Dung dịch H₂SO₄

Câu 4: Hoà tan 50 gam muối ăn vào 200 gam nước thu được dung dịch có nồng độ % bao nhiêu?

- A. 15%.
- B. 20%.
- C. 18%.
- D. 25%

Câu 5: Để có được dung dịch NaCl 32%, thì khối lượng NaCl cần lấy hoà tan vào 200 gam nước là

- A. 90g.
- B. 94,12 g.
- C. 100g.
- D. 141,18 g.

Câu 6: Trường hợp nào tạo ra kết tủa khi trộn các cặp dung dịch sau :

- A. NaCl và AgNO₃
- B. Na₂CO₃ và KCl
- C. Na₂SO₄ và AlCl₃
- D. ZnSO₄ và CuCl₂

Câu 7: Có ba lọ mất nhãn đựng các dung dịch muối sau: CuSO₄, Ba(NO₃)₂, NaCl. Hãy nhận biết các chất trên bằng pph. Viết PTHH.

4/Hoạt động vận dụng : (5')

Có 5 lọ không nhãn đựng các chất rắn màu trắng: CaSO₄ , CaCO₃ , CaCl₂, Ca(NO₃)₂, CaO.

Hãy nhận biết mỗi chất bằng PP hóa học. Viết PTHH xảy ra.

5/ Hoạt động tìm tòi mở rộng: (3')

***Câu hỏi tìm tòi:** Trong sản xuất nông nghiệp để cây sinh trưởng phát triển tốt. tùy từng giai đoạn phát triển của cây trồng mà người nông dân sử dụng thêm các loại

phân bón hóa học để bón cho cây. Em hãy tìm hiểu ở địa phương em hoặc tại gia đình em thường bón những loại phân gì? Thời điểm bón phân? Và tác dụng của từng loại phân?

* **Rút kinh nghiệm :**

Tiết 14**LUYỆN TẬP:
PHẢN ỨNG TRAO ĐỔI VÀ TÍNH CHẤT CỦA MUỐI****I/ MỤC TIÊU:****1. Kiến thức:** HS ôn tập:

- Tính chất hoá học của muối.
- Khái niệm phản ứng trao đổi và điều kiện xảy ra phản ứng trao đổi.
- Đối với HS khuyết tật nói, trí tuệ: viết được tính chất hoá học, khái niệm phản ứng trao đổi vào vở.

2. Kỹ năng:

- Vận dụng tính chất hoá học của muối để giải thích một số hiện tượng thường gặp trong đời sống và sản xuất, làm thí nghiệm.
- Vận dụng kiến thức giải các dạng bài tập.

3. Thái độ:

Giáo dục cho học sinh biết tin yêu và vận dụng khoa học vào thực tiễn đời sống.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực tính toán.

II/ CHUẨN BỊ:**1. Giáo viên:** KHDH, phiếu học tập, bảng phụ.**2. Học sinh:** Ôn tập kiến thức: tính chất của muối, phản ứng trao đổi.**III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC, KIỂM TRA – ĐÁNH GIÁ****1/ PPDH:**

- + Phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học theo nhóm

2/ KTDH:

- + Kỹ thuật động não
- + Kỹ thuật hỏi và trả lời, mảnh ghép.

3/ KTĐG: Theo hệ thống câu hỏi và bài tập định hướng phát triển năng lực HS.**IV/ HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC****1/ Hoạt động khởi động: (5')**

- Gv y/c HS hoạt động cá nhân

Chọn các mảnh ghép ở cột B điền vào cột A sao cho thích hợp

CỘT A	CỘT B
-------	-------

<p>1. Phản ứng trao đổi là phản ứng hoá học trong đó hai tham gia phản ứng với nhau về cấu tạo để tạo ra những chất mới.</p> <p>2. Muối tác dụng với tạo thành.... và kim loại mới.</p> <p>3. Muối tác dụng với tạo thành</p> <p>4. Muối tác dụng với tạo thành muối mới và</p> <p>5. Muối tác dụng với tạo thành muối mới và</p>	<div style="display: flex; flex-wrap: wrap; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">muối</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">bazo</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">trao đổi</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">hợp chất</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">2 muối mới</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">kim loại</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">muối mới</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">axit mới</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">bazo mới</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">thành phần</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 5px;">axit</div> </div>
--	--

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
HD 1: Kiến thức cần nhớ (10')	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nhắc lại tính chất hóa học của muối. Viết PTHH minh họa. - GV mở rộng: + <i>Khái niệm về muối (các muối thông thường là hợp chất được hình thành từ sự thay thế ion H^+ của acid bởi ion kim loại hoặc ion NH_4^+).</i> 	<p>I. Kiến thức cần nhớ</p> <p>1. Tính chất hóa học của muối</p> <p>1/ <u>Muối tác dụng với kim loại</u>: Tạo muối mới và kim loại mới. $Fe + CuSO_4 \rightarrow FeSO_4 + Cu$ (Trừ Na, Ca kim loại đứng trước đây kim loại đứng sau ra khỏi dd muối của nó)</p> <p>2/ <u>Muối tác dụng với cacid</u> Tạo muối mới và axit mới $BaCl_2 + H_2SO_4 \rightarrow BaSO_4 + HCl$</p> <p>3/ <u>Muối tác dụng với muối</u> Tạo hai muối mới $NaCl + AgNO_3 \rightarrow AgCl + NaNO_3$</p> <p>4/ <u>Muối tác dụng với base</u> Tạo muối mới và base mới $CuSO_4 + NaOH \rightarrow Cu(OH)_2 + Na_2SO_4$</p> <p>5/ <u>Phản ứng phân huỷ muối</u> $CaCO_3 \xrightarrow{t^o} CaO + CO_2$</p>

<p>? Khái niệm Phản ứng trao đổi. Điều kiện xảy ra phản ứng. Viết PTHH minh họa.</p>	<p>Tạo khí và một chất khác 2. Phản ứng trao đổi Là phản ứng hoá học trong đó hai hợp chất tham gia phản ứng trao đổi với nhau về thành phần cấu tạo để tạo ra những chất mới. * <u>Điều kiện xảy ra phản ứng trao đổi</u>: Sản phẩm phải có chất không tan hoặc chất khí $BaCl_2 + H_2SO_4 \rightarrow BaSO_4 + HCl$ $CuSO_4 + NaOH \rightarrow Cu(OH)_2 + Na_2SO_4$</p>
<p>Hoạt động 2: Bài tập (20')</p>	
<p>Yêu cầu HS hoạt động nhóm giải bài tập 1,2,3/ trang 33 - Sau đó mời đại diện nhóm lên bảng trình bày kết quả</p> <p>- Mời các nhóm nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, ghi điểm.</p> <p>Bt: Hoàn thành chuỗi phản ứng sau: $CuO \rightarrow CuSO_4 \rightarrow Cu(NO_3)_2 \rightarrow Cu(OH)_2 \rightarrow CuO$</p>	<p>BT 1/ a) $Pb(NO_3)_2$ b) $NaCl$ c) $CaCO_3$ d) $CaSO_4$</p> <p>Bài 2/tr33 - Trích mẫu thử. - Cho thuốc thử $Ba(OH)_2$ vào các mẫu thử. + Mẫu thử nào xuất hiện kết tủa màu xanh $\rightarrow CuSO_4$ + Mẫu thử nào xuất hiện kết tủa màu trắng $\rightarrow AgNO_3$ + Không hiện tượng $\rightarrow NaCl$</p> <p>Bài 3/tr33 a/ $Mg(NO_3)_2, CuCl_2$ $Mg(NO_3)_2 + NaOH \rightarrow Mg(OH)_2 + NaNO_3$ $CuCl_2 + NaOH \rightarrow Cu(OH)_2 + NaCl$ b/ không c/ $CuCl_2$ $CuCl_2 + AgNO_3 \rightarrow Cu(NO_3)_2 + AgCl$</p> <p>BT: Hoàn thành chuỗi phản ứng: 1/ $CuO + H_2SO_4 \rightarrow CuSO_4 + H_2O$ 2/ $CuSO_4 + Ba(NO_3)_2 \rightarrow Cu(NO_3)_2 +$</p>

	BaSO_4 $3/ \text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + \text{NaOH} \rightarrow \text{Cu}(\text{OH})_2 + \text{NaNO}_3$ $4/ \text{Cu}(\text{OH})_2 \xrightarrow{t^0} \text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$
--	--

3/ Luyện tập: (5')

HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau đây:

Câu 1: Tính chất hóa học nào sau đây không phải là của muối?

- A. Tác dụng với kim loại sinh ra muối mới và khí bay hơi
- B. Tác dụng với axit tạo thành muối mới và axit mới
- C. Tác dụng với bazo tạo thành muối mới và bazo mới
- D. Bị phân hủy ở nhiệt độ cao

Câu 2: Dãy chất nào sau đây bị nhiệt phân hủy ở nhiệt độ cao?

- A. BaSO_3 , BaCl_2 , KOH , Na_2SO_4 .
- B. AgNO_3 , Na_2CO_3 , KCl , BaSO_4 .
- C. **CaCO_3 , $\text{Zn}(\text{OH})_2$, KNO_3 , KMnO_4**
- D. $\text{Fe}(\text{OH})_3$, Na_2SO_4 , BaSO_4 , KCl .

Câu 3: Cho dung dịch KOH vào ống nghiệm đựng dung dịch FeCl_3 , hiện tượng quan sát được là

- A. có kết tủa trắng xanh.
- B. có khí thoát ra.
- C. **có kết tủa đỏ nâu.**
- D. kết tủa màu trắng.

Câu 4: Hãy cho biết muối nào có thể điều chế bằng phản ứng của kim loại với dung dịch axit H_2SO_4 loãng ?

- A. **ZnSO_4**
- B. Na_2SO_3
- C. CuSO_4
- D. MgSO_3

Câu 5: Cặp chất nào sau đây **không** thể tồn tại trong 1 dung dịch (do có phản ứng với nhau) ?

- A. **NaOH , MgSO_4**
- B. KCl , Na_2SO_4
- C. CaCl_2 , NaNO_3
- D. ZnSO_4 , H_2SO_4

4/ Vận dụng: (3')

Có 3 lọ không nhãn đựng các chất rắn màu trắng: CaSO_4 , CaCO_3 , CaCl_2 .

Hãy nhận biết mỗi chất bằng phương pháp hóa học. Viết PTHH xảy ra

5/ Tìm tòi mở rộng: (2')

Yêu cầu HS tìm hiểu thực trạng khai thác muối ở địa phương Quảng Ngãi.

***Hướng dẫn về nhà:**

- Bài 11: Phân bón hóa học
- HS mang các mẫu phân bón vô cơ

*** Rút kinh nghiệm :**
